

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/KDTM-ST

Ngày: 26/7/2019

V/v tranh chấp hợp đồng

mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng;
2. Ông Chu Mạnh Tường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2018/TLST-KDTM ngày 03/7/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2019/QĐXXST-KDTM ngày 07/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 138/2019/QĐST-KDTM ngày 28/6/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần Xây dựng Công trình Giao Thông A

Trụ sở: 968 Đường A, phường L, quận T, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Ninh Trường G, sinh năm 1972; Địa chỉ: P402 –Số 223 đường Đ, Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – có mặt.

(theo văn bản ủy quyền ngày 12/6/2018 của Công ty cổ phần Xây dựng Công trình Giao Thông A).

2. *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐT

Trụ sở: Số 88 đường F, thị trấn M, huyện B, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc Quang T, sinh năm 1979 - (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Công ty cổ phần Xây dựng Công trình Giao Thông A (gọi tắt là Công ty A) và Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐT (gọi tắt là Công ty ĐT) có ký với nhau 02 hợp đồng kinh tế số: 03-2014/TCK ngày 02/4/2014 giá trị hợp đồng 3.000.000.000 đồng và hợp đồng số 09A/KH-VT ngày 03/6/2014 giá trị hợp đồng 339.900.000 đồng về việc mua bán tài sản. Hợp đồng thỏa thuận nơi thực hiện hợp đồng, địa điểm giao nhận hàng là tại kho hàng của Công ty A tọa lạc tại địa chỉ số 968 quốc lộ 1A, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên đã tích cực hợp tác, tuy nhiên, đến ngày 31/12/2015, hai bên tiến hành đối chiếu công nợ thống nhất số tiền Công ty ĐT còn nợ lại là 259.900.000 đồng. Tháng 5/2016, Công ty ĐT đã thanh toán cho Công ty A số tiền 100.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 159.900.000 đồng. Ngày 01/8/2017, Công ty A và Công ty ĐT đã ký biên bản thỏa thuận về việc xác định thời hạn thanh toán, theo đó Công ty ĐT cam kết vào ngày 31/8/2017 sẽ thanh toán hết số nợ 159.900.000 đồng và yêu cầu phía Công ty A giảm phần tiền lãi của 18 tháng chậm trả là 21.586.500 đồng. Thế nhưng Công ty ĐT vẫn không thực hiện thỏa thuận, mặc dù Công ty A nhiều lần nhắc nhở yêu cầu trả nợ. Do vậy, Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty ĐT thanh toán số tiền nợ gốc là 159.900.000 đồng và phần tiền lãi đã thỏa thuận 21.586.500 đồng. Tổng số tiền yêu cầu Công ty ĐT phải trả 181.486.500 đồng và yêu cầu buộc Công ty ĐT trả tiền lãi tính từ ngày 31/8/2017 cho đến ngày Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ kiện theo mức lãi suất đã thỏa thuận là 0,75%/tháng.

(2) Bị đơn Công ty ĐT không hợp tác với Tòa án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng phía bị đơn không có đại diện đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tại Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng, xác định hiện tại Công ty ĐT chưa giải thể và trụ sở chính đăng ký kinh doanh và đang hoạt động tại địa chỉ số 88 đường tỉnh 934, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Mặc dù, đã được thông báo, tổng đạt theo đúng quy định, nhưng đại diện phía bị đơn vẫn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tiếp tục vắng mặt phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến như trên, xác định ngày tính lãi là từ ngày 31/8/2017 đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm hôm nay (ngày 26/7/2019) là hơn 22 tháng, tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính tròn 22 tháng, trên số dư nợ gốc là 159.900.000 đồng, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận 0,75%/tháng, với số tiền lãi yêu cầu bị đơn phải trả là 26.383.500 đồng. Bị đơn Công ty ĐT tiếp tục vắng mặt mà không có lý do.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy

định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đại diện hợp pháp phía bị đơn Công ty ĐT đã vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do chính đáng hoặc sự kiện bất khả kháng nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa Công ty A với Công ty ĐT phát sinh tranh chấp trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh từ hợp đồng mua bán tài sản, hàng hóa thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng và nguyên đơn đã lựa chọn Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện để giải quyết tranh chấp, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty ĐT vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1] Xét thấy, hợp đồng mua bán số: 03-2014/TCK ngày 02/4/2014 và hợp đồng số 09A/KH-VT ngày 03/6/2014 2017 ký kết giữa Công ty A với Công ty ĐT đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền ký kết, về nội dung và hình thức của hợp đồng. Do vậy, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc các bên phải thực hiện. Căn cứ vào biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 31/12/2015 và ngày 26/7/2016, căn cứ vào biên bản thỏa thuận ngày 01/8/2017 về việc xác định thời hạn thanh toán và thỏa thuận lãi giữa hai bên. Có cơ sở xác định Công ty ĐT còn nợ Công ty A số tiền mua tài sản là 159.900.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/6/2017 là 21.586.500 đồng. Theo quy định tại Điều 50 của Luật thương mại năm 2005, quy định về nghĩa vụ của bên mua là phải thanh toán tiền mua hàng, đúng trình tự, thủ tục và phương thức mà các bên đã thỏa thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền mua hàng còn nợ và tiền lãi theo thỏa thuận là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty ĐT thanh toán tiền lãi phát sinh do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính từ ngày vi phạm 31/8/2017 đến ngày vụ án đưa ra xét xử 26/7/2019, theo mức lãi suất đã thỏa thuận là 0,75%/tháng, trên số dư nợ gốc vi phạm 159.900.000 đồng, với số tiền lãi yêu cầu thanh toán là 26.383.500 đồng. Nhận thấy, số tiền lãi là 26.383.500 đồng nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán là phù hợp với cách thức, phương thức tính lãi và lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Mục

I của Biên bản thỏa thuận ngày 01/8/2017 về việc xác định thời hạn thanh toán và thỏa thuận lãi giữa hai bên, phù hợp quy định tại điều 306 của Luật thương mại năm 2005. Việc nguyên đơn áp dụng mức lãi suất các bên thỏa thuận 0,75%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 144, Điều 147, Điều 186, dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐT có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần Xây dựng Công trình Giao Thông A số tiền 207.870.000 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng), trong đó số nợ gốc là 159.900.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 47.870.000 đồng.

Kể từ ngày Công ty cổ phần Xây dựng Công trình Giao Thông A có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐT, không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, thì hàng tháng Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐT còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 10.393.500 đồng (mười triệu ba trăm chín mươi ba nghìn năm trăm đồng) buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐT phải nộp theo quy định.

Trả lại cho Công ty cổ phần Xây dựng Công trình Giao Thông A số tiền tạm ứng án phí 4.866.956 đồng (bốn triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi sáu

đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0022114 ngày 03/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty cổ phần Xây dựng Công trình Giao Thông A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty ĐT được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký tên và đóng dấu

Cao Văn Thiên